

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

số: 21/2021/HNGĐ-GĐT

Ngày 21 - 7 - 2021

V/v Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Các thành viên: - Ông Hồ Đình Trung.

- Ông Vũ Minh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Thắng - Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Đào Trọng Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm vụ án “Hôn nhân gia đình” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh T, sinh năm 1974;

Trú tại: Thôn Bắc Sơn, xã P, huyện G, tỉnh W.

- *Bị đơn:* Chị H, sinh năm 1975;

Trú tại: Thôn Bắc Sơn, xã P, huyện G, tỉnh W.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh tỉnh W, Phòng giao dịch S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh T trình bày:

Anh và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G vào năm 1995. Anh, chị sinh được 03 người con chung là cháu N, sinh ngày 12/8/1997, cháu M sinh ngày 09/8/2001 và cháu A, sinh ngày 13/9/2013. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả nên từ cuối năm 2018 đến nay anh chị đã sống ly thân.

Ngày 23/3/2020, anh gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Về con chung: Cháu N và cháu M đã thành niên nên anh chỉ yêu cầu được nuôi cháu A, không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản và công nợ: Anh đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của vợ chồng: Anh được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên thửa đất số 09a, tờ bản đồ số 32 có diện tích 136m² tại thôn Q, xã P, huyện G, tỉnh W. Anh có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch chia tài sản chung cho chị H là 100.000.000 đồng, trả cho Ngân hàng B số tiền nợ gốc là 189.980.000 đồng và lãi phát sinh.

Bị đơn là chị H trình bày:

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Anh T trình bày là đúng. Chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh, chị có 03 con chung như anh T trình bày. Chị đồng ý giao cháu A cho anh T trực tiếp chăm sóc.

Về tài sản và công nợ: Chị yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 09A, tài sản trên đất và tiền nợ của Ngân hàng B khoảng 200.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh tỉnh W, Phòng giao dịch S trình bày:

Đồng ý cho anh T đứng ra trả nợ số tiền gốc và lãi mà anh T, chị H còn nợ với điều kiện anh T phải là người được hưởng tài sản chung là nhà và đất đang thế chấp tại Ngân hàng.

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2020, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh W đã quyết định:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị H.
- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: Cháu N, cháu M và cháu A. Hai bên thống nhất cháu M và cháu N đã thành niên nên các cháu tự quyết định ở với ai. Giao cháu A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản và công nợ:
 - + Anh T được quyền sử dụng và sở hữu những tài sản chung của vợ chồng gồm: Diện tích đất 136 m² thửa đất số 09A, tờ bản đồ số 32 tại Thôn Q, xã P, huyện G, tỉnh W; Nhà xây gạch D220, mái bằng có diện tích 272m² trên diện tích đất 136m².
 - + Anh T có nghĩa vụ giao lại cho chị H 100.000.000 đồng tiền chênh lệch tài sản; trả nợ cho Ngân hàng TMCP B chi nhánh W, phòng giao dịch S số tiền 189.980.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh.

Về án phí: Anh T phải nộp 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ghi nhận anh T đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số AA/2017/0004724 ngày 23/3/2020 của Chi cục THADS huyện G, tỉnh W, trả lại cho anh T 150.000 đồng.

Ngày 04/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh W có văn bản kiến nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh W vì lý do: Quyết định nêu trên có nhiều vi phạm và thiếu sót.

Tại Quyết định số 25/KNGĐT-VC1-DS ngày 05/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã kháng nghị Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh W; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy một phần Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh W về phần tài sản chung và công nợ; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh W để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật. Tạm đình chỉ thi hành một phần Quyết định nêu trên cho đến khi có quyết định giám đốc thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao:

[1] Về tố tụng: Căn cứ khoản 2 Điều 331 và khoản 1 Điều 334 Bộ luật tố tụng dân sự thì Quyết định số 25/KNGĐT-VC1-DS ngày 05/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn quy định và đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 16/4/2020, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh W ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 80/2020/QĐST-HNGĐ giữa anh T và chị H, theo đó anh T được quyền sử dụng và sở hữu những tài sản chung của vợ chồng gồm diện tích đất 136 m² thửa đất số 09A, tờ bản đồ số 32 tại Thôn Q, xã P, huyện G, tỉnh W và nhà ở trên đất đồng thời có nghĩa vụ giao lại cho chị H 100.000.000 đồng tiền chênh lệch tài sản; trả nợ cho Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh W, phòng giao dịch S số tiền 189.980.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh.

Theo tài liệu xác minh do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S cung cấp thì năm 2007, Tòa án nhân dân huyện G đã ban hành 07 Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, theo các quyết định đó thì chị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho các cá nhân với tổng số tiền là 487.854.000 đồng. Quá trình làm việc với cơ quan thi hành án, tại biên bản làm việc ngày 23/01/2018 anh T có ý kiến là vợ chồng sẽ bán nhà để trả nợ và cam kết thời gian thực hiện việc thi hành án. Do tình hình nhiều vụ vỡ phường hội diễn ra phức tạp trên địa bàn nên ngày 02/4/2018, Chi cục Thi hành án huyện G đã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân không xác nhận việc mua bán, chuyển nhượng... thay đổi hiện trạng quyền sử dụng đất đối với người phải thi hành án. Như vậy, quá trình giải quyết việc ly hôn, chị H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thi hành án đối với 07 quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Anh T đã được thông báo về các nội dung trên và có cam kết liên quan đến tài sản chung vợ chồng là nhà đất tại xã P, huyện G, tỉnh W. Tuy nhiên, quá trình thỏa thuận phân chia về tài sản và công nợ, anh T và chị H không trình bày về nghĩa vụ về tài sản đối với người thứ ba (các khoản nợ chưa thi hành án nói trên) là có dấu hiệu tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Tòa án nhân dân huyện G công nhận sự thỏa thuận của anh T, chị H làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích của người có quyền và nghĩa vụ liên quan nên Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị là có căn cứ.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: “Trước khi mở phiên tòa, Tòa án tiến hành hòa giải; nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì họ chỉ phải chịu 50% mức án phí sơ thẩm”. Tòa án nhân dân huyện G không buộc các đương sự phải chịu 50% án phí dân sự có giá ngạch là không đúng quy định.

[3] Từ phân tích trên cho thấy, Tòa án nhân dân huyện G công nhận sự thỏa thuận của anh T, chị H về việc chia tài sản và công nợ trái quy định pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích của người có quyền và nghĩa vụ liên quan; xác định án phí không đúng nên cần chấp nhận kháng nghị, hủy một phần Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh W về việc chia tài sản và công nợ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, Điều 342, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy một phần Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh W (về phần tài sản chung và công nợ) đối với vụ án “Hôn nhân gia đình” giữa nguyên đơn là anh T với bị đơn là chị H.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh W xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND huyện G, tỉnh W;
(02 bản, kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục THADS huyện G,
tỉnh W;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, Phòng HCTP, Phòng GDKTIII,
HSGĐT.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Xuân